

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: **31/2020/DS-ST**.

Ngày: 21/8/2020.

V/v “*Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,
TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Mạnh Trí.

Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Lắm.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Tân Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Linh tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 224/2020/TLST – DS, ngày 15 tháng 6 năm 2020, Về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Xóm 5, Thôn 8, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Mỹ K, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn 8, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thúy H, theo văn bản ủy quyền ngày 30/6/2020.

- Ông Đỗ Văn D, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Thể hiện trong đơn khởi kiện, lời khai, ý kiến trong quá trình chuẩn xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thúy H yêu cầu:*

Bà Nguyễn Thị Thúy H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Trần Thị Mỹ K và ông Đỗ Văn D phải liên đới trả cho vợ chồng bà H, ông Q số tiền nợ vay là 95.000.000đ, không yêu cầu tính tiền lãi, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Về căn cứ khởi kiện: Do quen biết nên bà H có cho bà K vay tiền nhiều lần, khi vay có thỏa thuận lãi suất. Mục đích bà K vay tiền của bà H là về lo sửa nhà, mua xe, mua bò, tổng số tiền vay là 95.000.000đ. Khi vay hai bên có viết giấy và có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay theo thỏa thuận là vài tháng sẽ trả cho bà H. Tuy nhiên từ khi vay cho đến nay vợ chồng bà K và ông D không trả nợ cho bà H, ông Q mặc dù đã nhiều lần bà H có đến nhà đòi nợ.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà H cung cấp: 01 giấy vay tiền viết tay.

**/ Thể hiện lời khai, ý kiến trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị đơn - bà Trần Thị Mỹ K trình bày:*

Trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, bà K có vay tiền của bà H nhiều lần, tổng cộng các lần vay là 95.000.000đ. Khi vay thỏa thuận trả lãi suất là 40.000đ/1.000.000đ tiền gốc/tháng; tháng tết là 60.000đ/1.000.000đ tiền gốc/tháng. Sau khi vay bà K có trả lãi cho bà H nhưng số tiền bao nhiêu thì không nhớ, sau này không có khả năng trả nữa nên ngưng. Đến nay vẫn còn nợ lại tiền gốc là 95.000.000đ. Mục đích vay tiền của bà H về để mua bò nuôi, một số khác thì vay về cho bạn vay lại. Khi vay không cam kết thời gian trả nợ cụ thể mà cam kết khi nào có tiền sẽ trả. Hiện nay bà K không yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả. Nay bà K đồng ý trả cho vợ chồng bà H, ông Q số tiền nợ gốc 95.000.000đ.

- Bị đơn - bà K không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án.

**/ Thể hiện ý kiến trong quá trình chuẩn bị xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn Q trình bày:*

Ông Q thống nhất như ý kiến, yêu cầu của vợ là bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày và không yêu cầu gì thêm.

- Ông Q không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án.

**/ Theo lời khai, ý kiến trong quá trình chuẩn bị xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Đỗ Văn D trình bày:*

Ông D thống nhất ý kiến của vợ là bà Trần Thị Mỹ K. ông D đồng ý cùng với bà K có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà H, ông Q số tiền nợ gốc 95.000.000đ.

- Ông D không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng theo quy định BLTTDS, tiến hành lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo phiên họp và hòa giải cho đương sự, gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ và các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát nghiên cứu; cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng. vụ án giải quyết đúng thời hạn quy định của BLTTDS năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q vắng nhưng đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thúy H; đối với ông Đỗ Văn D vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ điều 227, 228 BLTTDS năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Q, ông Đỗ Văn D là phù hợp.

- *Quan điểm giải quyết vụ án:*

Áp dụng khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35, Các điều 146, 147, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị:

+ Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thúy H. Buộc vợ chồng bà Trần Thị Mỹ K và ông Đỗ Văn D có trách nhiệm liên đới phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Nguyễn Văn Q số tiền 95.000.000đ.

+ Về án phí: Bà Trần Thị Mỹ K và ông Đỗ Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà H.

- *Các tình tiết mà các bên thống nhất, không thống nhất:*

Nguyên đơn bà H yêu cầu vợ chồng bà K và ông D phải liên đới trả số tiền nợ vay 95.000.000đ. Vợ chồng bà K và ông D thống nhất số nợ và chấp nhận trả số tiền 95.000.000đ cho vợ chồng bà H và ông Q, nhưng ông D không đồng ý ký biên bản hòa giải thành mà cho rằng sẽ tự chịu trách nhiệm thanh toán nợ cho vợ chồng bà H, không chấp nhận ký các biên bản hòa giải thành để Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. ông D sau đó có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý

kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn D và ông Nguyễn Văn Q đều vắng mặt. Tuy nhiên, ông D đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với ông Nguyễn Văn Q đã có văn bản ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Thúy H. Do đó cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn D và ông Nguyễn Văn Q là phù hợp.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Tại phiên hòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Mỹ K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn D phải trả 95.000.000đ tiền nợ vay gốc phát sinh từ việc bà K vay tiền của bà H trong năm 2017 và 2018, không yêu cầu tính tiền lãi. Ngoài ra, các đương sự không còn yêu cầu nào khác. Do đó căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “ Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

Tranh chấp dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS; bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[3]. *Về câu trả nợ của nguyên đơn:*

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H và bị đơn bà Trần Thị Mỹ K đã thống nhất thừa nhận hiện nay bà K còn nợ bà H 95.000.000đ tiền nợ vay chưa trả phát sinh từ giao dịch vay tài sản do hai bên xác lập thực hiện trong khoảng thời gian từ năm 2017 và 2018, nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 BLTTDS. Do đó có đủ căn cứ xác định hiện nay bà K còn nợ vợ chồng bà H, ông Q 95.000.000đ tiền vay. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4]. *Về nghĩa vụ trả nợ:*

Tại phiên tòa hôm nay bà H yêu cầu vợ chồng bà K, ông D phải liên đới trả số tiền 95.000.000đ cho vợ chồng bà H và ông Q. Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với số nợ mà bà H khởi kiện thì bà K đã thừa nhận và đồng ý trả cho bà H.

Đối với ông D là chồng bà K mặc dù không trực tiếp vay tiền của bà H, ông Q. Tuy nhiên, đây là khoảng nợ vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà K và ông D. Việc bà K vay tiền của bà H nhằm mục đích phục vụ cho việc phát triển kinh tế chung của gia đình. Ngoài ra, theo lời khai ngày 14/7/2020 (bút lục 17), ý kiến của ông D tại biên bản hòa giải ngày 16/7/2020 (bút lục 25) thể hiện: ông D thống nhất về số nợ gốc 95.000.000đ mà bà H khởi kiện và đồng ý cùng với bà K chịu trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà H và ông Q số tiền nợ trên.

[5]. *Về yêu cầu tính tiền lãi:*

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, vợ chồng bà H, ông Q yêu cầu vợ chồng bà K, ông D phải trả tiền lãi trên số tiền gốc 95.000.000đ. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà H không yêu cầu nữa, cho nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ Điều 357, Điều 463, 466 BLDS; các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nhận định: Cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy H, buộc vợ chồng bà Trần Thị Mỹ K và ông Đỗ Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Nguyễn Văn Q số tiền nợ vay là 95.000.000đ.

[6] *Về án phí*: Do yêu cầu của của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng bà Trần Thị Mỹ K và ông Đỗ Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp, là phù hợp với quy định tại Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 146, 147, 203, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H.

+ Buộc vợ chồng bà Trần Thị Mỹ K và ông Đỗ Văn D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Nguyễn Văn Q số tiền nợ vay là 95.000.000 đồng (*chín mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

+ Buộc bà Trần Thị Mỹ K và ông Đỗ Văn D phải nộp 4.750.000đồng (*bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

+ Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thúy H số tiền 3.125.000đồng (*ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N.004574 ngày 12/6/2020 của Chi cục Thi hành án huyện Tánh Linh.

3. Về quyền kháng cáo:

+ Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 21/8/2020.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự.....;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng
Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Mạnh Trí